TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HOÀNG MAI – NGHỆ AN
Bản án số: 02/ 2018/HNGĐ - ST
Ngày: 08/ 3/ 2018
Về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀNG MAI, TỈNH NGHỆ AN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Quang Tình.
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bảy.
Ông Chu Quang Cường
- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Huy; thẩm tra viên TAND thị xã hoàng Mai.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà*:* Bà Vũ Thị Thùy Trang; Chức vụ: Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 3 năm 2018 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2017/TLST- HN&GĐ ngày 13 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số14/2018/QĐXX-ST ngày 26 tháng 02 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Xuân T. Sinh năm 1975 (Có mặt).
Trú tại: Xóm Thái S, xã Q, thành phố T, tỉnh T.
Bị đơn: Anh Trần Quang H. Sinh năm 1977 (Vắng mặt).
Trú tại: Xóm 13, xã Q, thị xã H, tỉnh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Đỗ Thị Xuân T trình bày:

Chị và bị đơn anh Trần Quang H kết hôn ngày 30/12/2002 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Quỳnh Lưu (nay là xã Q, thị xã H, tỉnh N) trên cơ sở tự nguyện. Cuộc sống chung do anh H không quan tâm gì đến gia đình vợ con, thường xuyên chơi bời không chịu làm ăn nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu Tẫn cãi vã nhau. Năm 2005, mâu Tẫn căng thẳng, vợ chồng đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ chung sống cho đến nay. Nay chị xét tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn anh Trần Quang H

Vợ chồng có 01 con chung là Trần Quang N, sinh ngày 12/7/2003 hiện đang ở với chị. Ly hôn chị xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung đối với chị.

Về tài sản chung, riêng và nợ: Vợ chồng tự thỏa Tận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai biên bản hòa giải, bị đơn anh Trần Quang H trình bày: Anh thống nhất thời gian, điều kiện kết hôn như chị Đỗ Thị Xuân T đã trình bày ở trên. Cuộc sống chung vợ chồng đã phát sinh mâu Tẫn, nguyên nhân do điều kiện khó khăn anh phải thường xuyên đi làm ăn xa, không có thời gian điều kiện chăm sóc vợ con nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Hai bên đã ly thân và chấm dứt mọi quan hệ chung sống vợ chồng từ năm 2007 cho đến nay. Nay chị Đỗ Thị Xuân T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và xin ly hôn, anh cũng nhất trí.

Vợ chồng có 01 con chung, họ tên, ngày tháng năm sinh như chị Đỗ Thị Xuân T đã trình bày ở trên. Con chung hiện đang ở với chị T, ly hôn chị T xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con anh cũng nhất trí.

- Về tài sản chung, riêng và nợ: Vợ chồng tự thỏa Tận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị :

- Xử cho chị Đỗ Thị Xuân T được ly hôn anh Trần Quang H.

- Giao con chung Trần Quang N, sinh ngày 12/7/2003 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh H vì chị T chưa yêu cấu.

Về tài sản và nợ chị T anh H không yêu cầu giải quyết nên không xét.

Về án phí ly hôn sơ thẩm chị T phải nạp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chi đã nạp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình, bị đơn anh Trần Quang H có hộ khẩu thường trú tại xóm 13, xã Quỳnh Vinh, thị xã H, tỉnh N nên sau khi thụ lý, Tòa án nhân dân thành phố T đã ra quyết định chuyển vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã H giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 BLTTDS.

Tại phiên tòa anh Trần Quang H vắng mặt nhưng đã có lời trình bày đề nghị xét xử vụ án vắng mặt anh nên Hội đồng xét xử không hoãn phiên tòa mà tiếp tục xét xử vụ án là đúng luật theo quy định tại khoản 1 điều 227 BLTTDS.

-

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Xuân T và anh Trần Quang H kết hôn với nhau tuân thủ các điều kiện kết hôn theo luật định, đây là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống chung do tính tình không hợp dẫn đến mâu Tẫn vợ chồng phát sinh ngày càng căng thẳng; hai bên đã sống ly thân từ năm 2007 cho đến nay là một thời gian dài, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Tòa án cũng đã phân tích hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ xây dựng lại hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả. Chứng tỏ mâu Tẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nghĩ nên áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Đỗ Thị Xuân T được ly hôn anh Trần Quang H.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng có một con chung là Trần Quang N, sinh ngày 12/7/2003,hiện đang ở với chị T. Ly hôn chị T xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con, anh H cũng nhất trí. Sự thỏa Tận của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, điều kiện hoàn cảnh kinh tế của anh chị, nguyện vọng và quyền lợi mọi mặt của con chung sau ly hôn nên chấp nhận.

Về tài sản chung, riêng và nợ : Chị T, anh H thống nhất tự thỏa Tận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật nên không xét.

Về án phí ly hôn sơ thẩm chị T phải nạp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nạp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 điều 56; điều 81; điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xử: Cho chị Đỗ Thị Xuân T được ly hôn anh Trần Quang H.

Về con: Giao con chung là Trần Quang N, sinh ngày 12/7/2003 cho chị T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H vì chị T chưa yêu cầu. Anh H có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm cản trở.

Về tài sản chung, riêng và nợ: Chị T, anh H thống nhất tự thỏa Tận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm chị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh T theo biên lai T tiền số 0004844 ngày 27/02/2017.

-

Nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn nói trên kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKS
- THAHS
- UBND xã Q
- Lưu VP, HS

Lý Quang Tình

-